

Số: 1164/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoáng sản
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 665/QĐ-BNNMT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 274/TTr-TNMT ngày 24/6/2024..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác Danh mục thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này và gỡ bỏ các dữ liệu thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành trên Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính lĩnh vực Khoáng sản được công bố tại Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

ST T	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Mức độ cung cấp DVC TT	Căn cứ pháp lý
1	1.000778	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	87 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha: 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Từ 100 ha đến 50.000 ha: 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Trên 50.000 ha : 15.000.000 đồng/01 giấy phép 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC
2	1.004481	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta: 2.000.000 đồng/01 giấy phép; từ 100 ha đến 50.000 ha: 5.000.000 đồng/01 giấy 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số

				<p>Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<p>phép; trên 50.000 ha: 7.500.000 đồng/01 giấy phép.</p>		<p>22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC</p>
3	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	<p>1. Trục tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<p>- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta: 2.000.000 đồng/01 giấy phép; từ 100 ha đến 50.000 ha: 5.000.000 đồng/01 giấy phép; trên 50.000 ha: 7.500.000 đồng/01 giấy phép.</p>	Một phần	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC</p>
4	1.005408	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	45 ngày làm việc	<p>1. Trục tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính</p>	Không	Một phần	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;</p>

				công ích			
5	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	184 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<p>Tổng chi phí thăm dò thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đến 1 tỷ đồng: 10.000.000đ; - Trên 1 tỷ đến 10 tỷ: 10.000.000 + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng); - Trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 55.000.000 + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng); - Trên 20 tỷ: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC
6	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	10 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;
7	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng	1) Cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 87 ngày làm việc. (2) Điều chỉnh giấy	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ.</p>	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 1.000.000; 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

		<p>sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình</p>	<p>phép khai thác khoáng sản: 40 ngày làm việc. (3) Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 57 ngày làm việc.</p>	<p>Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<p>- Công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 10.000.000; - Công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 15.000.000. 2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: - diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 15.000.000; - Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn: 20.000.000; - Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác trên 100.000 m³/năm trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông suối: 30.000.000; 3. Khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu noort</p>	<p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC. - Thông tư số 10/2024/TT-BTC</p>
--	--	--	---	--	--	---

					<p>sông nghiệp, đá ốp lát và nước khoáng nóng: 40.000.000;</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên (trừ các trường hợp trên):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000; <p>5. Khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò (trừ các trường hợp trên): 60.000.000;</p> <p>6. khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000;</p> <p>7. khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000.</p> <p>8. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không thu phí, lệ phí.</p>		
8	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Nghị định số

		<p>khoáng sản</p>	<p>ngày niêm yết việc đấu giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả 	<p>đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá)</p>		<p>22/2012/NĐ-CP năm 2012;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.
--	--	-------------------	---	---	--	---

			<p>trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.</p>				
9	1.004433	<p>Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt</p>	<p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.</p> <p>- Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá.</p> <p>- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.</p>	<p>Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).</p>	Không	Một phần	<p>- Luật Khoáng sản năm 2010;</p> <p>- Luật Đấu giá tài sản năm 2016;</p> <p>- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC.</p>

			<p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.</p>				
10	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phut</p>	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 500.000đ; - Công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 5.000.000đ; - Công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 7.500.000đ. 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số

				<p>ho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 7.500.000đ; - Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn: 10.000.000đ; - Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác trên 100.000 m³/năm trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông suối: 15.000.000đ; <p>3. Khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, đá ốp lát và nước khoáng nóng: 20.000.000;</p> <p>4. Giấy phép khai thác</p>	10/2024/TT-BTC
--	--	--	--	---	---	----------------

					<p>các loại khoáng sản lộ thiên (trừ các trường hợp trên):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000đ; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000đ; <p>5. Khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò (trừ các trường hợp trên): 30.000.000đ;</p> <p>6. khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000đ;</p> <p>7. khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000đ.</p> <p>8. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không thu phí, lệ phí.</p>		
11	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	45 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập:</p>	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 500.000đ; - Công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 5.000.000đ; - Công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;

				http://dichvucong.phut.fo.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	<p>7.500.000đ.</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 7.500.000đ; - Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn: 10.000.000đ; - Diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác trên 100.000 m³/năm trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông suối: 15.000.000đ; <p>3. Khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, đá ốp lát và nước khoáng nóng: 20.000.000đ;</p>		<p>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC</p>
--	--	--	--	---	--	--	-------------------------------------

					<p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên (trừ các trường hợp trên):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000đ; - Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000đ; <p>5. Khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò (trừ các trường hợp trên): 30.000.000đ;</p> <p>6. khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000đ;</p> <p>7. khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000đ.</p> <p>8. Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không thu phí, lệ phí.</p>		
12	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác	45 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p>	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP;

		khoáng sản		<p>2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>			- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;
13	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	<p>78 ngày làm việc (thời hạn tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt: Thời gian căn cứ vào nội dung đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt và không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</p>	<p>1. Trục tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ	Một phần	<p>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;</p> <p>- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.</p>
14	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	33 ngày làm việc	<p>1. Trục tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trục tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	5.000.000/giấy phép	Một phần	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT;</p> <p>- Thông tư số 10/2024/TT-BTC.</p>

15	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	2.500.000 đồng/01giấy phép	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC.
16	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	21 ngày làm việc	<p>1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ: Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.</p> <p>2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập: http://dichvucong.phutho.gov.vn</p> <p>3. Dịch vụ Bưu chính công ích</p>	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT.